TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST Ngày 27 tháng 6 năm 2024 V/v xin ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Tổ và ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà*:* Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Tòng Văn D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản P, xã N, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án tại Đội 24, Phân trại số 03, Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên. Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lường Thị N trình bày như sau:

Chị và anh Tòng Văn D kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Mai Sơn vào ngày 10/02/2012 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị, nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bản thân chị đã cố gắng hàn gắn với chồng nhưng

không thành. Từ năm 2014, anh D phải đi chấp hành án 14 năm về tội hiếp dâm và cướp tài sản. Đến nay, anh D vẫn chưa chấp hành án xong. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tòng Văn D.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Tòng Văn D trình bày:

Về tình cảm, anh và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã B vào ngày 10/02/2012 và gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống gia đình không hòa hợp, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi cọ nên cuộc sống không hạnh phúc. Từ trước khi đi chấp hành án, anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn. Do anh đi chấp hành án từ năm 2014 đến nay nên vẫn đợi chị N làm đơn ly hôn. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn giải quyết cho anh và chị N được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tòng Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đang chấp hành án tại Đội 24, Phân trại số 03, Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Lường Thị N và anh Tòng Văn D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn và bị đơn anh Tòng Văn D có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn giải quyết. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lường Thị N và anh Tòng Văn D.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lường Thị N và anh Tòng Văn D kết hôn với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã B, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/02/2012, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết, anh chị đều thừa nhận mẫu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống nên thường xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Sau đó, anh D phải đi chấp hành án từ năm 2014 đến nay. Qua hòa giải, anh D và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Lường Thị N và anh Tòng Văn D được ly hôn.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh D đều xác nhận không có con chung, tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271, 227, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lường Thị N và anh Tòng Văn D.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

3 Về án phí: Chị Lường Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001344 ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Ngọc Thương